

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2020
V/v: “ Xin ly hôn và nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Ông Tô Hoàng Nh, sinh 1989 (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày: Bà với ông Tô Hoàng Nh do quá trình tìm hiểu, được gia đình hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú. Ngày cưới bên ông Nh cho bà 01 (Một) đôi bông tai nặng một chỉ vàng 24Kra, 01 (Một) sợi dây chuyền nặng 03 (Ba) chỉ vàng 24Kra và 01 (Một) cặp nhẫn cưới nặng 01 chỉ vàng 24Kra. Số nữ trang này hiện nay không còn, do quá trình chung sống bà và ông Nh thống nhất bán chỉ tiêu trong gia đình.

Sau khi kết hôn bà với ông Tô Hoàng Nh chung sống hạnh phúc gần được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vào tháng 2 năm 2019 bà phát hiện ông Nh không còn chung thủy với bà, dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm không vun đắp được và đi đến cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, bà xin được ly hôn với ông Tô Hoàng Nh.

Về con chung có 02 người tên Tô Thị Thảo Ng, sinh ngày 23/10/2010 và Tô Hữu B, sinh ngày 10/5/2014, hai người con hiện nay đang sống chung với bà, bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu ông Tô Hoàng Nh phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng trên người, cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hằng N xác định không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Tô Hoàng Nh, quá trình giải quyết vụ án ông không đến tòa nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh trình bày quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng theo điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con so với đơn khởi kiện; Đình chỉ yêu cầu này theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. **Về nội dung vụ kiện** vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các điều: Điều 19; 28; 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hằng N. Bà Nguyễn Thị Hằng N được quyền ly hôn với ông Tô Hoàng Nh. Về con chung có hai người tên Tô Thị Thảo Ng, sinh ngày 23/10/2010 và Tô Hữu B, sinh ngày 10/5/2014, hiện nay đang sống chung với bà Hằng N, nguyện vọng của cháu Thảo Ng xin được sống chung với bà Hằng N, nên bà Hằng N được tiếp tục nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên Tòa bà Hằng N chưa đặt ra nên chưa xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tài sản chung và nợ chung: Bà Hằng N xác định không có nên không đặt ra. Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Tô Hoàng Nh được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, nên tòa án không thể tiến hành hòa giải, kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối chất, theo quy định tại các Điều 207 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đồng thời tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con so với đơn khởi kiện ban đầu, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận; Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Hằng N với ông Tô Hoàng Nh sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, tiến đến xác lập hôn nhân vào ngày 09 tháng 12 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú. Nữ trang ngày cưới có 05 (Năm) chỉ vàng 24Kra, số nữ trang cưới hiện nay không còn vì quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Hằng N và ông Tô Hoàng Nh đã bán chi tiêu trong cuộc sống gia đình.

[4]. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Hằng N với ông Tô Hoàng Nh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong tình cảm vợ chồng ông Nh không còn chung thủy với bà Hằng N, thường xuyên cãi nhau, tình cảm không vun đắp được và đi đến cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019. Nay bà Nguyễn Thị Hằng N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ với nhau được nên xin được ly hôn với ông Tô Hoàng Nh.

[5]. Đối với ông Tô Hoàng Nh đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đến tòa để được xem xét hòa giải nhằm đoàn tụ hôn nhân, nhưng ông không đến và không hợp tác để giải quyết tình cảm vợ chồng với bà Hằng N. Điều này thể hiện không tôn trọng tình cảm vợ, chồng. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững” nhưng bà Nguyễn Thị Hằng N với ông Tô Hoàng Nh đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện nay, bà Hằng N với ông Hoàng Nh mỗi người sống ở hai nơi khác nhau, không liên hệ với nhau từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay.

[6]. Do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hằng N với ông Tô Hoàng Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hằng N là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về con chung có hai người tên Tô Thị Thảo Ng, sinh ngày 23/10/2010 và Tô Hữu B, sinh ngày 10/5/2014, cả hai người con hiện nay đang sống chung với bà N, bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tô

Thị Thảo Ng, sinh ngày 23/10/2010 và với quy định tại các Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì trong thời gian qua bà Hằng N là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con của bà Hằng N chưa đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét

[8] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hằng N xác định không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do quá trình giải quyết vụ án ông Tô Hoàng Nh không có mặt tại Tòa, nên vấn đề này Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[9]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 144; Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8; 9; 19; 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hằng N.

- Bà Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn với ông Tô Hoàng Nh.

2/ Về con chung: Cháu Tô Thị Thảo Ng, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Tô Hữu B, sinh ngày 10/5/2014 bà Nguyễn Thị Hằng N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hằng N chưa đặt ra yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Thị Hằng N.

4/ Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hằng N xác định không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do quá trình giải quyết vụ án ông Tô Hoàng Nh không có mặt tại Tòa, nên vấn đề này Hội đồng xét xử chưa xem xét.

5/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0005331, ngày 22 tháng 10 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Do đó bà Nguyễn Thị Hằng N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xét xử công khai sơ thẩm báo cho hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến